

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HS-ST
Ngày 23 tháng 4 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Kim Quy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Khuất Thị Toàn

2. Ông Trần Đức Thọ

- Thư ký phiên toà: Bà Vương Thị Minh Khuê - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Đặng Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2021/TLST-HS ngày 26/03/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 04 năm 2021 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Việt D**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 26 tháng 5 năm 1987 tại tỉnh Hà Giang; Hộ khẩu thường trú: Tổ 13, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thành T, sinh năm 1956 và bà: Cao Thị D, sinh năm: 1957; Vợ: Đặng Nguyễn Hải Y, sinh năm 1989, con: Có 02 con lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 30/12/2020, ngày 10/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh.

Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lầu Thị G - sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 15, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Lê Thị X, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 3, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

3. Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 11, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1956
Địa chỉ: Tổ 13, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
5. Bà Cao Thị D, sinh năm 1957
Địa chỉ: Tổ 13, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
6. Chị Đặng Nguyễn Hải Y, sinh năm 1989
Địa chỉ: Tổ 12, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/12/2020, Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang tiếp nhận tin báo về tội phạm đã tiến hành kiểm tra, bắt quả tang Nguyễn Việt D, sinh ngày 26/5/1987, trú tại: Tổ 13, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang có dấu hiệu phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tại nơi ở của D.

Quá trình điều tra, đã xác định được: Từ tháng 6/2019 đến tháng 12/2020, Nguyễn Việt D, không có giấy phép kinh doanh dịch vụ cầm đồ, lợi dụng nhu cầu vay tiền của chị Lâu Thị G (Địa chỉ: Tổ 15, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang) và chị Lê Thị X (Địa chỉ: Tổ 03, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang) để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự bằng hình thức vay tín chấp. Người vay tự viết nội dung vào giấy vay tiền do D soạn thảo và in sẵn, lãi suất do các bên thỏa thuận miệng từ 3.000^d/1 triệu/ngày đến 4.000^d/1 triệu/ngày; kỳ hạn trả lãi là 01 tháng; người vay trả lãi trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển tiền đến tài khoản số 8200205145213 (Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn) và tài khoản số 34510000214585 (Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển) của D. Cụ thể:

1. Đối với chị Lê Thị X, vay tiền của D 04 lần:

- Lần 1: Ngày 28/8/2019, chị X vay 100.000.000^d (Một trăm triệu đồng) với lãi suất 3.000^d/1 triệu/ngày (tương đương lãi suất là 109,5%/năm). Từ ngày 28/8/2019 đến ngày 18/9/2019 là 21 ngày, chị X đã trả cho D số tiền lãi là 6.000.000^d (Sáu triệu đồng), tương đương với mức lãi suất thực tế là 104,3%/năm, gấp 5,21 lần lãi suất giới hạn cao nhất được phép thỏa thuận quy định trong Bộ luật dân sự. Số tiền D thu lợi bất chính là: 4.849.315^d (Bốn triệu tám trăm bốn chín nghìn ba trăm mười lăm đồng). Ngày 18/9/2019, chị X đã trả tiền gốc cho D.

- Lần 2: Ngày 08/10/2019, chị X vay của D 100.000.000^d (Một trăm triệu đồng), với lãi suất 3.000^d/1 triệu/ngày. Từ ngày 08/10/2019 đến ngày 08/4/2020 là 183 ngày, chị X đã trả cho D số tiền lãi là: 54.000.000^d (Năm tư triệu đồng), tương đương với lãi suất thực tế là 107,7%/năm, gấp 5,39 lần lãi suất giới hạn cao nhất được phép thỏa thuận theo quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền D thu

lợi bất chính là: 43.972.603^d (Bốn ba triệu, chín trăm bảy hai nghìn, sáu trăm linh ba đồng). Chị X chưa trả tiền gốc cho D.

- Lần 3: Ngày 01/11/2019, chị X vay 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng) với lãi suất 3.000^d/1 triệu/ngày. Từ ngày 01/11/2019 đến ngày 06/12/2019 là 36 ngày, chị X đã trả cho D 3.200.000^d (Ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn), tương đương với mức lãi suất thực tế là 108,1%/năm, gấp 5,41 lần lãi suất giới hạn cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Số tiền D thu lợi bất chính là 2.608.219^d (Hai triệu sáu trăm linh tám nghìn hai trăm mười chín đồng). Ngày 06/12/2019 chị X đã trả tiền gốc cho D.

- Lần 4: Ngày 19/01/2020, chị X vay 50.000.000^d (Năm mươi triệu đồng) với lãi suất 3.000^d/1 triệu/ngày. Từ ngày 19/01/2020 đến ngày 19/4/2020 là 91 ngày, chị X đã trả cho D 13.500.000^d (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) tiền lãi, tương đương với mức lãi suất thực tế là 108,3%/năm, gấp 5,41 lần lãi suất giới hạn cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Số tiền D thu lợi bất chính là 11.006.849^d (Mười một triệu không trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn chín đồng). Chị X chưa trả tiền gốc cho D.

Tổng số tiền D thu lợi bất chính từ chị X là 62.436.986^d (Sáu hai triệu, bốn trăm ba sáu nghìn, chín trăm tám sáu đồng). Chị X chưa trả 150.000.000^d tiền gốc cho D.

2. Đối với chị Lâu Thị G: Ngày 05/6/2019, chị G vay của D 70.000.000^d (Bảy mươi triệu đồng) với lãi suất 4.000^d/1 triệu/ ngày, tương đương lãi suất 146%/năm. Từ ngày 05/6/2019 đến ngày 30/12/2020 là 542 ngày, chị G đã trả cho D 150.400.000^d (Một trăm năm mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng chẵn), tương đương với mức lãi suất thực tế là 144,7%/năm, gấp 7,23 lần lãi suất giới hạn cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Số tiền D thu lợi bất chính là 129.610.959^d (Một trăm hai chín triệu, sáu trăm mười nghìn, chín trăm năm chín đồng). Ngày 30/12/2020, chị G đã trả 10.000.000^d (Mười triệu đồng) tiền gốc cho D, hiện còn 60.000.000^d (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc chưa trả.

Tổng cộng, từ ngày 05/6/2019 đến ngày 30/12/2020, Nguyễn Việt D đã thực hiện 5 lần cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 02 người. Tổng số tiền D đã sử dụng để cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là : 350.000.000^d (Ba trăm năm mươi triệu đồng), tổng tiền lãi thu được là: 227.100.000^d (Hai trăm hai bảy triệu một trăm nghìn đồng chẵn), trong đó thu lợi bất chính là: 192.047.945^d (Một trăm chín hai triệu, không trăm bốn bảy nghìn, chín trăm bốn lăm đồng).

Tại Bản cáo trạng số 12/CT-VKSTP ngày 24/03/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Việt D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Việt D đã thừa nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã nêu, đề nghị

Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tạo cơ hội sửa chữa sai lầm của bản thân.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị X có mặt tại phiên tòa, có ý kiến: Do nhu cầu cá nhân và thỏa thuận nhất trí giữa hai bên nên chị đã vay của D 04 lần tiền với lãi suất đúng như cáo trạng mà Viện kiểm sát đã nêu, hiện chị còn nợ D 150.000.000^d tiền gốc chưa trả; về số tiền lãi: Do chị trả nhiều lần nên không nhớ rõ. Nay chị đề nghị: Số tiền lãi mà D phải trả lại cho chị sẽ khấu trừ vào số tiền gốc mà chị phải trả D.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lầu Thị G vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị G đề nghị Hội đồng xét xử: Về hình sự: Xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật; Về số tiền lãi mà D đã thu của chị với lãi suất vượt quá quy định của pháp luật: Chị yêu cầu D phải trả lại chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, bà D, chị Y, anh T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang sau phân xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Việt D về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Việt D phạm tội **“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”**.

- Hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo D từ 200.000.000^d đến 250.000.000^d;

Áp dụng Điều 121, 125, 260, 363 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ biện pháp ngăn chặn bảo lãnh đối với Nguyễn Việt D.

- Xử lý vật chứng:

+ Biện pháp cưỡng chế: Áp dụng Điều 129 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phong tỏa đối với 02 tài khoản: Tài khoản 34510000214585 tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển chi nhánh Hà Giang với số tiền bị phong tỏa là 299.694.170^d; tài khoản số 8200205145213 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Hà Giang với số tiền 13.097.240^d để tịch thu sung quỹ nhà nước;

+ Tịch thu sung ngân sách: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS Max, màu đen, đã qua sử dụng;

+ Tịch thu tiêu hủy: 28 tờ giấy tiêu đề: “Giấy vay tiền” có nội dung giống nhau, chưa thể hiện người vay tiền;

- 11 tờ giấy nhiều kích cỡ khác nhau, trên có nhiều số, chữ viết (đánh số từ 07-17);

+ Trả lại cho bị cáo những tài sản, giấy tờ còn lại.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo nhận thấy việc làm của bị cáo đã vi phạm pháp luật, bị cáo xin được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lâu thị G, ông T, bà D, chị Y, anh T vắng mặt, có Đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy: những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai tại cơ quan điều tra, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về chứng cứ xác định tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 05/6/2019 đến ngày 30/12/2020, tại nhà riêng thuộc tổ 13, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, D đã cho chị Lâu Thị G, chị Lê Thị X vay tổng số tiền 350.000.000^d với mức lãi suất từ 3.000 đồng/ 1triệu/ ngày đến 4.000^d/1 triệu/ngày, tương đương với lãi suất thực tế là 107,7%/năm đến mức lãi suất 146%/năm (các khoản cho vay lãi suất đều cao gấp 5,39 lần đến 7,23 lần của mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự); tổng số tiền lãi D đã thu 227.100.000^d (Hai trăm hai bảy triệu một trăm nghìn đồng chẵn), trong đó thu lợi bất chính là: 192.047.945^d (Một trăm chín hai triệu, không trăm bốn bảy nghìn, chín trăm bốn lăm đồng). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội **“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”** theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng:

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Việt D phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] Về giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả (quá trình chuẩn bị xét xử

đã tự nguyện nộp số tiền 5.000.000^d tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H) nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bản thân bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc loại ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo và đã khắc phục một phần số tiền thu lợi cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, khi xem xét lượng hình cần cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, xử phạt bị cáo hình phạt tiền cũng đảm bảo việc răn đe và giáo dục đối với bị cáo. Hủy bỏ biện pháp bảo lãnh đối với bị cáo.

[8] Đối với Nguyễn Quốc T là người đã cho D vay tiền nhưng không có căn cứ xác định T được hưởng lợi gì trong việc cho vay lãi nặng của D nên không xem xét trách nhiệm.

[9] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc 350.000.000^d mà bị cáo D sử dụng cho chị G, chị X vay với lãi suất cao gấp 5,39 lần **đến** 7,23 lần so với mức lãi suất tối đa trong giao dịch dân sự được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần truy thu nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự. Bị cáo D đã thu về số tiền gốc 130.000.000^d nên cần truy thu từ bị cáo D số tiền trên; Đối với số tiền gốc còn lại là 210.000.000^d (gồm: chị Lầu Thị G số tiền 60.000.000^d; chị Lê Thị X số tiền 150.000.000^d), hiện những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa trả cho bị cáo D thì cần truy thu số tiền này tại những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nói trên. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã thu giữ ở người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lầu Thị Giang số tiền 12.000.000^d tiền gốc và 10.000.000^d tiền lãi nên chị G được khấu trừ số tiền lãi, bị cáo D được khấu trừ số tiền gốc.

[10] Đối với khoản tiền lãi 192.047.945^d mà bị cáo Nguyễn Việt D đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Lầu Thị G 129.610.959^d, chị Lê Thị X 62.436.986^d) vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Số tiền trên theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự, thì cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều yêu cầu bị cáo D phải hoàn trả số tiền trên nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả số tiền trên cho những người này theo quy định tại Điều 589 của Bộ luật dân sự.

[11] Đối với khoản tiền lãi 35.052.055^d, không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự mà bị cáo D đã thu của 02 cá nhân vay. Đây là số tiền bị cáo D thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên cần truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

[12] Đối với 02 tài khoản ngân hàng gồm: Tài khoản 34510000214585 tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển chi nhánh Hà Giang với số tiền bị phong tỏa là 299.694.170^d; tài khoản số 8200205145213 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Hà Giang với số tiền 13.097.240^d đã bị cơ quan điều tra công an thành phố Hà Giang ra Quyết định phong tỏa. Cần tiếp tục phong tỏa để đảm bảo việc thi hành án.

[13] Về xử lý vật chứng:

[14] Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Honda-CRV, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 23A-054.18, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của bố mẹ để bị cáo ông Nguyễn Thành T, bà Cao Thị D. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Đối với những vật chứng còn lại:

- Đối với khoản tiền: 97.450.000^d đang được tạm giữ tại tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H thu của Nguyễn Việt D, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Trả lại cho bị cáo những giấy tờ sau:

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 490358 mang tên Nguyễn Việt D, Đặng Nguyễn Hải Y;

+ 01 Giấy phép lái xe hạng A1, B2 mang tên Nguyễn Việt D;

+ 01 thẻ ngân hàng Agribank mang tên Nguyễn Việt D;

+ 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Việt D;

+ 01 ví nam giả da màu xám, đã qua sử dụng;

+ 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Việt D;

+ 01 hợp đồng bảo hiểm kết hợp xe ô tô mang tên Nguyễn Việt D;

+ 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng, đã qua sử dụng;

+ 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng, đã qua sử dụng;

+ 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng, đã qua sử dụng;

+ 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, model UX305, đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS Max, màu đen, đã qua sử dụng;

- Tịch thu tiêu hủy những tài sản còn lại.

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/4/2021 giữa Công an thành phố H và chi cục thi hành án dân sự thành phố H).

[16] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 35, điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47, của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106, Điều 121, 125, Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 260, 363

của Bộ luật Tố tụng hình sự ; Điều 589 của Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Tuyên bố Nguyễn Việt D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Xử phạt: Nguyễn Việt D 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

Hủy bỏ biện pháp bảo lãnh đối với Nguyễn Việt D từ ngày tuyên án.

Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Nguyễn Việt D phải hoàn trả cho chị Lầu Thị G số tiền 129.610.959^d(Một trăm hai chín triệu sáu trăm mười nghìn sáu trăm năm chín đồng), chị Lê Thị X số tiền 62.436.986^d (Sáu hai triệu bốn trăm ba sáu nghìn chín trăm tám sáu đồng).

- Truy thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc tại bị cáo Nguyễn Việt D số tiền 130.000.000^d (Một trăm ba mươi triệu đồng), được khấu trừ 5.000.000^d (Năm triệu đồng) bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, biên lai số: 0000503 ngày 06/4/2021, bị cáo còn phải tiếp tục nộp số tiền: 125.000.000^d (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn);

- Truy thu tại chị Lê Thị X số tiền 150.000.000^d(Một trăm năm mươi triệu đồng); chị Lầu Thị G số tiền 60.000.000^d(Sáu mươi triệu đồng).

- Truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Việt D đã thu lợi bất chính do hành vi phạm tội mà có số tiền 35.052.055^d, được khấu trừ số tiền:12.000.000^d đã bị thu giữ, bị cáo phải nộp tiếp số tiền: 23.052.055^d(Hai ba triệu không trăm năm hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng).

Về vật chứng:

- Tiếp tục tạm giữ số tiền: 97.450.000^d (Chín bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) đang được tạm giữ tại tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H đã thu của Nguyễn Việt D để đảm bảo thi hành án;

- Tiếp tục phong tỏa 02 tài khoản ngân hàng gồm: Tài khoản 34510000214585 tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển chi nhánh Hà Giang với số tiền bị phong tỏa là 299.694.170^d; tài khoản số 8200205145213 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Hà Giang với số tiền 13.097.240^d đều mang tên Nguyễn Việt D để đảm bảo việc thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo những giấy tờ sau:

- + 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 490358 mang tên Nguyễn Việt D, Đặng Nguyễn Hải Y;

- +01 Giấy phép lái xe hạng A1,B2 mang tên Nguyễn Việt D;

- + 01 thẻ ngân hàng Agribank mang tên Nguyễn Việt D;

- + 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Việt D;

- + 01 ví nam giả da màu xám, đã qua sử dụng;

- + 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Việt D;

- + 01 hợp đồng bảo hiểm kết hợp xe ô tô mang tên Nguyễn Việt D;

- + 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng, đã qua sử dụng;
- + 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng, đã qua sử dụng;
- + 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng, đã qua sử dụng;
- + 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, model UX305, đã qua sử dụng.
- Tịch thu sung quỹ nhà nước những tài sản sau:
- + 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS Max, màu đen, đã qua sử dụng;
- Tịch thu tiêu hủy 28 tờ giấy tiêu đề: “Giấy vay tiền” có nội dung giống nhau, chưa thể hiện người vay tiền; - 11 tờ giấy nhiều kích cỡ khác nhau, trên có nhiều số, chữ viết (đánh số từ 07-17).

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/4/2021 giữa Công an thành phố H và Chi cục thi hành án dân sự thành phố H).

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Việt D phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSNDTPHG, tỉnh Hà Giang;
- Công an TPHG, tỉnh H Giang;
- CQTHA Hình sự CATP HG;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Nhà tạm giữ Công an TP HG, tỉnh HG;
- THA DS TP.
- Sở Tư Pháp.
- Lưu HS - BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Quy